

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

I.1 Mô tả khái quát về dự án và gói thầu

1. **Tên dự án:** Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1.

2. **Tên gói thầu:** Tư vấn kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

3. **Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp thành phố Cần Thơ.

4. **Địa điểm:** Xã Trường Long Tây, xã Tân Hòa, xã Tân Bình, xã Phụng Hiệp, xã Hiệp Hưng, xã Tân Phước Hưng.

5. Hình thức lựa chọn nhà thầu:

- Hình thức tuyển chọn: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

6. **Nguồn vốn:** Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính:

Nhóm dự án: Dự án quan trọng quốc gia. Trình tự đầu tư theo dự án nhóm A.

Loại, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp I.

8. **Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng.**

9. Phạm vi dự án:

- Điểm đầu: Tại Km94+400 kết nối vào điểm cuối Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1, thuộc huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Điểm cuối: Tại Km131+082,03 kết nối vào điểm đầu Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1, thuộc huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Tổng chiều dài tuyến cao tốc 36,682km.

9.1. Quy mô xây dựng

9.1.1. Đường cao tốc

a) Cấp đường

- Giai đoạn hoàn chỉnh là đường cao tốc cấp 100, vận tốc thiết kế $V_{tk}=100\text{km/h}$ theo TCVN5729:2012 “Đường ô tô cao tốc - Yêu cầu thiết kế”.

- Giai đoạn phân kỳ các yếu tố hình học (bình đồ, trắc dọc) đạt tiêu chuẩn cao tốc cấp 100, quy mô 04 làn xe theo tiêu chuẩn TCCS 42:2022/TCĐBVN “Đường ô tô cao tốc

- Thiết kế và tổ chức giao thông trong giai đoạn phân kỳ đầu tư xây dựng”.

b) Mặt cắt ngang: Giai đoạn hoàn chỉnh quy mô 6 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền}=32,25\text{m}/B_{mặt}=30,75\text{m}$; Giai đoạn 1, phân kỳ đầu tư quy mô 4 làn xe hạn chế với bề rộng nền đường $B_{nền}=17\text{m}/B_{mặt}=16\text{m}$.

c) Mặt đường

- Tuyến chính: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 180\text{Mpa}$.
- Các nhánh nút giao liên thông: Nút giao Đường tỉnh 927: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 140\text{Mpa}$; Nút giao Quốc lộ 61C và nút giao Dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 160\text{Mpa}$.

d) Công trình cầu

- Công trình cầu thiết kế bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực theo các tiêu chuẩn TCVN 11823-1:2017 đến TCVN 11823-14:2017 “Thiết kế cầu đường bộ”.

- Khổ cầu phù hợp khổ nền đường; tải trọng thiết kế HL93.

đ) Nút giao: Xây dựng các nút giao liên thông và trực thông (cầu vượt hoặc hầm chui) bảo đảm khai thác an toàn, kết nối, đi lại thuận lợi.

e) Tần suất thiết kế: Thiết kế đảm bảo tần suất $P = 1\%$.

9.1.2. Đường gom, đường ngang, đường hoàn trả Cấp đường, mặt cắt ngang: Phù hợp với quy mô đường hiện hữu hoặc theo tiêu chuẩn giao thông nông thôn loại B.

Tần suất thiết kế: Tần suất thiết kế theo quy định của cấp đường hoặc phù hợp với cao độ hiện trạng khai thác.

- Mặt đường: Bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng.

9.1.3. Công trình phục vụ khai thác Đầu tư xây dựng một số hạng mục hạ tầng của hệ thống giao thông thông minh. Hệ thống thiết bị sẽ được đầu tư đồng bộ, tương thích về công nghệ khi đầu tư hệ thống ITS, hệ thống thu phí trên các tuyến cao tốc vào thời điểm thích hợp theo Đề án “Đầu tư, quản lý, vận hành khai thác và bảo trì hệ thống ITS và hệ thống thu phí ETC trên đường cao tốc”.

- Trạm dừng nghỉ: Thực hiện Công văn số 13023/BGTVT-KCHT ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải: Vị trí trạm dừng nghỉ sẽ được xem xét đầu tư khi có sự trao đổi thống nhất giữa các dự án thành phần, đảm bảo khoảng cách các trạm dừng nghỉ trên toàn tuyến phù hợp quy định. Khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, sẽ tiến hành phê duyệt theo phương án dự án sẽ giải phóng mặt bằng trạm dừng nghỉ và kêu gọi Nhà đầu tư tiến hành đầu tư và khai thác.

9.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

9.2.1. Hướng tuyến, bình đồ

- Hướng tuyến cao tốc: Điểm đầu dự án tại Km94+400, thuộc địa phận xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, tuyến đi thẳng theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, cắt ngang Quốc lộ 61C thuộc địa phận xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A. Tuyến tiếp tục đi thẳng giao với Dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, thuộc địa phận xã Bình Thành, huyện Phụng Hiệp, tuyến tiếp tục giao cắt với Đường tỉnh 927 thuộc địa phận xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, sau đó đi đến điểm cuối dự án tại Km131+082,03 kết nối với Dự án thành phần 4 tại thị trấn Búng Tàu, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Bình diện tuyến thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của cấp đường, phù hợp với các quy hoạch có liên quan, các điểm khống chế, giảm thiểu tối đa khối lượng giải phóng mặt bằng, cơ bản tránh các khu đông dân cư, đất quốc phòng.... đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, hài hòa với cảnh quan trong khu vực.

9.2.2. Trắc dọc: Thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của đường ô tô cao tốc, có xét đến giải pháp đầu tư giai đoạn hoàn chỉnh, đảm bảo tần suất thiết kế, thoát lũ, phù hợp với điều kiện địa hình khu vực tuyến, hạn chế đắp cao, đáp ứng tính không thông thuyền, tính không yêu cầu tại các vị trí giao cắt với đường quốc lộ, đường địa phương, đảm bảo êm thuận trong quá trình vận hành, giảm thiểu khối lượng đào, đắp, đáp ứng yêu cầu kinh tế - kỹ thuật, ổn định công trình lâu dài.

9.2.3. Mặt cắt ngang

a) Đường cao tốc

- Mặt cắt ngang giai đoạn phân kỳ đầu tư với bề rộng $B_{nền}=17m$, bố trí lệch về phía bên phải mặt cắt ngang giai đoạn hoàn chỉnh, trong đó: Mặt đường xe chạy $B_{mặt}=4 \times 3,5=14m$; dải phân cách giữa $B_{pc}=0,5m$; dải an toàn trong $B_{att}=2 \times 0,5=1,0m$; dải an toàn ngoài $B_{atn}=2 \times 0,25=0,5m$; lề đất $B_{lề}=2 \times 0,5=1,0m$.

- Đoạn dừng xe khẩn cấp: Bố trí với khoảng cách 4-5km/vị trí, trong đó: Bề rộng đoạn dừng xe khẩn cấp $B_{dx}=3,0m$, bề rộng lề đất $B_{lề}=0,75m$, chiều dài đoạn dừng xe khẩn cấp $L=170m$, đoạn nhập làn dài 50m, đoạn tách làn dài 50m.

b) Đường gom, đường hoàn trả Đường gom: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp B theo TCVN 10380:2014, bề rộng nền đường $B_{nền}=5,0m$, trong đó: Mặt đường xe chạy $B_{mặt}=3,5m$, lề đất $B_{lề}=2 \times 0,75m=1,5m$.

- Đường hoàn trả: Hoàn trả theo quy mô đường hiện trạng của địa phương.

9.2.4. Nền đường

a) Nền đắp thông thường: Đắp bằng cát đảm bảo độ chặt và sức chịu tải theo yêu cầu kỹ thuật của cấp đường tương ứng; phạm vi 30cm dưới kết cấu áo đường của nền đường cao tốc sử dụng giải pháp cát gia cố xixi măng; độ dốc mái taluy 1/2, đắp bao bằng đất.

b) Xử lý nền đất yếu: Trước khi đắp nền, tiến hành xử lý nền đất yếu bằng các phương pháp bắc thăm (kết hợp vùi địa kỹ thuật gia cường), trụ đất xi măng...

9.2.5. Mặt đường

a) Đường cao tốc: Mặt đường cấp cao A1, bao gồm các lớp: 6cm bê tông nhựa chặt 16 cải thiện; 6cm bê tông nhựa chặt 19; 10cm lớp hỗn hợp nhựa bán rỗng 25; 16cm cấp phối đá dăm gia cố xi măng; 18cm cấp phối đá dăm loại I đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 180MPa$. Các nhánh trong nút giao: Nút giao Quốc lộ 61C và nút giao Dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, sử dụng mặt đường cấp cao A1, bao gồm các lớp: 6cm bê tông nhựa chặt 16 cải thiện; 6cm bê tông nhựa chặt 19; 15cm cấp phối đá dăm loại I; 25cm cấp phối đá dăm loại II đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{y} \geq 160MPa$. Nút giao Đường tỉnh 927, sử dụng mặt đường cấp cao A1, bao gồm các lớp: 6cm bê tông nhựa chặt 16 cải thiện; 6cm bê tông nhựa chặt 19; 15cm cấp phối đá dăm loại I; 18cm cấp phối đá dăm loại II đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 140MPa$.

b) Đường ngang, đường gom, đường hoàn trả, vượt nổi: Mặt đường bằng bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng.

- Đường gom: Mặt đường láng nhựa trên lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 30cm đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{ye} \geq 80MPa$.

- Đường hoàn trả: Mặt đường bằng láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng.

9.2.6. Thiết kế giao cắt

a) Giao cắt liên thông

- Nút giao liên thông khác mức với Quốc lộ 61C (Km104+746,33): Xây dựng nút giao theo dạng thức bán hoa thị, bố trí 02 nhánh kết nối với Quốc lộ 61C. - Nút giao liên thông khác mức với Dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 (Km111+933): Xây dựng nút giao theo dạng thức hoa thị đối xứng hoàn chỉnh. - Nút giao liên thông khác mức với Đường tỉnh 927 (Km121+993): Xây dựng nút giao theo dạng thức bán hoa thị, bố trí 02 nhánh kết nối với Đường tỉnh 927.

b) Giao cắt dân sinh: Được bố trí đi dưới cầu hoặc đường đi qua mố hộp.

9.2.7. Công trình cầu: Xây dựng 24 công trình cầu trên đường cao tốc.

a) Mặt cắt ngang cầu

- Cầu trên đường cao tốc: Bcầu = 17,5m.

- Riêng cầu trong nút giao Dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, kết cấu phân trên phân kỳ xây dựng 02 đơn nguyên song song cách nhau 8,75m; bề rộng mỗi đơn nguyên cầu Bcầu=11,75m đối với quy mô cầu ngoài nhánh hoa thị; Bcầu=14,00m (bao gồm làn tăng giảm tốc) đối với quy mô cầu trong nhánh hoa thị.

b) Kết cấu phần trên: Sử dụng kết cấu nhịp bê tông cốt thép dự ứng lực (BTCT DUL) dạng dầm I, Super T, T ngược, dầm sàn liên tục; bản mặt cầu bê tông cốt thép đổ tại chỗ và được thiết kế liên tục nhiệt để tạo độ êm thuận.

c) Kết cấu phần dưới: Mố, trụ bằng bê tông cốt thép, móng trên hệ cọc ống BTCT DUL D=0,6m hoặc cọc khoan nhồi D=1,0-1,2m.

d) Kết quả thiết kế công trình cầu như sau:

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Bề rộng (m)	Chiều dài (m)	Loại dầm	Kết cấu phần dưới dự kiến
1	Đông Pháp	Km94+094,14	1x33	17,5	57,71	I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
2	Kinh Tế	Km96+384,19	1x25,45	17,5	46,91	I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
3	Kênh KH19	Km98+350,62	5x33+15 +3x33	17,5	291,07	I, T ngược	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
4	Kênh Dậy	Km100+022,85	1x25,45	17,5	46,64	I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
5	Sáu Thước	Km101+625,79	1x25,45	17,5	46,64	I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
6	Xà No	Km103+231,48	39,1+40+ 42,5+6x45+ 37,3+40+39,1	17,5	519,20	SPT, T ngược	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
7	Cầu vượt QL61C	Km104+746,33	39,1+3x40+ 42,5+45 +29,2+3x40 +39,1	17,5	446,10	T ngược, SPT	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
8	Thới An	Km106+583,06	36,37+4x45 +36,37	17,5	264,94	T ngược, SPT	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Bề rộng (m)	Chiều dài (m)	Loại dầm	Kết cấu phần dưới dự kiến
9	Đường Láng	Km108+313,56	1x33	17,5	57,71	I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
10	Nàng Mau 2	Km109+269,88	1x18,60+ 24,54+18,60	17,5	73,94	I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
11	Vượt QL61	Km110+ 608,40	39,1+4x40+45 +2x50+45+3x40 +39,1	17,5	557,90	SPT	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
12	Cầu vượt Dự án thành phần đoạn Cầu Thơ - Hậu Giang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Km111+933,14	+ Đơn nguyên trái: 39,1+2x40+ 19,5+18,6+33, 9+4x40+25,44 +19,5+40+40, 41+25,85 + Đơn nguyên phải: 25,85+40,41+ 40+19,5+25,4 4+4x40+33,9+ 18,6+19,5+ 2x40+39,1	02 đơn nguyên 14m	515,80	SPT, I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
		Km111+933,14		7,0	N-5: 120,99 N-6: 105,84 N-7: 120,99 N-8: 105,84	Dầm sàn liên tục	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
13	Cầu Xáng Nàng Mâu	Km113+ 704,8	(32,1+40+ 2x19,525+33+ 7x40+39,1)	17,5	475,45	SPT, I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
14	Cầu Mười Bốn	Km115+895	1x24,54	17,5	47,64	I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
15	Cầu Hòa Mỹ	Km117+334,4	(39,1+2x40,0+ 25,465+24,59 +25,465+3x40,0 +39,1)	17,5	364,92	SPT, I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
16	Cầu Tám Quý	Km118+355,1	1x24,54	17,5	47,64	I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
17	Cầu Kênh Mới	Km119+ 777,5	1x24,54	17,5	47,64	I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
18	Cầu Đầu Ngàn	Km120+ 746,4	1x24,54	17,5	47,64	I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Bề rộng (m)	Chiều dài (m)	Loại dầm	Kết cấu phần dưới dự kiến
19	Cầu Xáng Lái Hiêu	Km122+ 049,8	(39,1+10x40,0 +39,1)	17,5	490,40	SPT	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
20	Cầu Bờ Bao	Km123 725,1	1x24,54	17,5	47,64	I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
21	Cầu Kênh Phèn	Km124+ 734,4	1x24,54	17,5	47,64	I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
22	Cầu Hậu Giang Ba	Km126+ 130,6	(39,1+3x40,0+ 25,465+24,59 +25,465+2x40,0 +39,1)	17,5	364,92	SPT, I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
23	Cầu Miếu Hội	Km127+926,4	1x24,54	17,5	47,64	I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
24	Cầu Bao Dưới	Km129+881,3	1x24,54	17,5	47,64	I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT

9.2.8. Hệ thống thoát nước ngang: Xây dựng hệ thống thoát nước ngang bảo đảm thoát nước và phục vụ thủy lợi.

- Hệ thống thoát nước dọc: Xây dựng hệ thống rãnh dọc, rãnh biên,... bảo đảm thoát nước nền, mặt đường.

- Hoàn trả, bổ sung kênh, mương đối với các đoạn tuyến đi trùng với hệ thống kênh, mương hiện hữu đảm bảo việc tưới tiêu, phục vụ sản xuất của người dân.

9.2.9. Đường gom, đường ngang, đường hoàn trả: Đầu tư xây dựng hệ thống đường gom, đường ngang, đường hoàn trả dọc hai bên tuyến (không liên tục) với quy mô tối thiểu theo quy mô đường GTNT loại B; kết cấu mặt đường láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với hiện trạng. Chiều dài, quy mô, kết cấu đường gom sẽ được tiếp tục rà soát xác định chính xác trong bước thiết kế tiếp theo.

9.2.10. Công trình phục vụ khai thác

a) Hệ thống giao thông thông minh: Đầu tư xây dựng một số hạng mục hạ tầng của hệ thống giao thông thông minh (bể cấp, ống bảo vệ cấp, bể móng cột).

b) Trạm dừng nghỉ

- Trong Dự án không đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ, chỉ hoạch định vị trí, quy mô để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Vị trí dự kiến tại khoảng Km128+900. Vị trí chính thức sẽ được quyết định trong bước tiếp theo sau khi thỏa thuận cụ thể với các dự án thành phần và chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải.

- Quy mô dự kiến trạm loại 1 theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

9.2.11. Các công trình khác

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; dải phân cách giữa bằng bê tông cốt thép.

- Hàng rào: Bố trí hàng rào bảo vệ dọc theo hai bên tuyến.

- Công trình phòng hộ: Đoạn thông thường gia cố bằng trồng cỏ. Đối với các đoạn nền đắp cao, đắp qua vùng ngập nước thường xuyên, mái ta luy được gia cố bằng tấm ốp bê tông.

- Diện chiếu sáng: Bố trí tại các nút giao liên thông và các công trình cầu chiều dài lớn có yêu cầu thiết kế cảnh quan.

II. Mục đích tuyển chọn nhà thầu: Chủ đầu tư mời nhà thầu có năng lực đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để tiến hành thực hiện công tác tư vấn kiểm toán độc lập, kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành cho dự án Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1.

III. Phạm vi công việc:

Thực hiện công tác tư vấn kiểm toán độc lập, kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành cho dự án Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 theo các quy định hiện hành.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu: Theo yêu cầu mục 2 Chương III E-HSMT.

V. Yêu cầu về tiến độ thực hiện: Thời gian thực hiện hợp đồng **24 tháng**.

VI. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực.

VII. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Nhà thầu tự bố trí, sắp xếp thời gian thực hiện các công việc nêu trên nhưng phải đảm bảo tổng thời gian thực hiện không vượt quá **24 tháng** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực kể cả thứ bảy và chủ nhật (Thời gian trên không bao gồm thời gian chờ tổ chức các cuộc họp, bảo vệ, thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng).

Các báo cáo phải nộp và tiến độ nộp báo cáo:

- Báo cáo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu chủ đầu tư;
- Báo cáo danh mục các hạng mục công việc đã hoàn thành;
- Báo cáo cho cơ quan chức năng khi có yêu cầu.

- Các báo cáo khác theo yêu cầu của chủ đầu tư Thời gian nộp báo cáo: cuối tuần, cuối tháng, cuối mỗi công việc, trước khi họp giao ban, chuyển giai đoạn công việc tiếp theo, khi có yêu cầu...

VIII. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Hỗ trợ những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu

nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình. Cử cán bộ phối hợp với nhà thầu khi nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.

VI. Thuế giá trị gia tăng: E-HSMT áp dụng thuế giá trị gia tăng là 10%.

* **Ghi chú:** Chi phí kiểm toán bao gồm chi phí kiểm toán độc lập, kiểm toán báo cáo quyết toán hoàn thành bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí kiểm toán độc lập, kiểm toán báo cáo quyết toán hoàn thành các chi phí đầu tư xây dựng. Khi tham dự thầu nhà thầu phải chào cơ cấu chi phí kiểm toán phù hợp, trong đó đảm bảo Chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán hoàn thành bồi thường, hỗ trợ tái định cư không vượt quá 14,1% giá dự thầu; chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán hoàn thành các chi phí đầu tư xây dựng không vượt quá 85,9% giá dự thầu.